

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3632**/BKHCN-ĐTĐ

Hà Nội, ngày **01** tháng **12** năm 2020

V/v đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định
của Thủ tướng Chính phủ thay thế
Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 19/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao để thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15/6/2015. Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức thẩm định dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nêu trên.

Hồ sơ kèm theo gồm:

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về dự thảo Quyết định;
- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các bộ, ngành, hiệp hội, doanh nghiệp liên quan và Bản chụp các văn bản góp ý của các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Vụ: PC, CNC;
- Lưu: VT, Vụ DTG.



**TỜ TRÌNH****VỀ DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH
TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO THAY THẾ QUYẾT ĐỊNH
SỐ 19/2015/QĐ-TTg NGÀY 15 THÁNG 6 NĂM 2015**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 19/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15/6/2015 theo hướng tạo thuận lợi, dễ dàng hơn cho doanh nghiệp. Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định với các nội dung cơ bản sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Tại Điều 18 Luật Công nghệ cao (CNC) số 21/2008/QH12 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009) quy định các điều kiện xác định và chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp CNC. Doanh nghiệp CNC sẽ được hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và được xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo, nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm từ Chương trình quốc gia phát triển CNC.

Sau khi Luật CNC có hiệu lực, nhiều doanh nghiệp sản xuất sản phẩm CNC đã tìm hiểu, xem xét đăng ký là doanh nghiệp CNC. Tuy nhiên, số doanh nghiệp đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC còn rất ít. Trong giai đoạn từ năm 2008-2014, chỉ có 11 doanh nghiệp đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC¹.

Qua phân tích, đánh giá số liệu cho thấy: đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực tiếp cận ứng dụng, làm chủ hoặc nhận chuyển giao CNC và sản xuất các sản phẩm CNC rất hạn chế. Do đó, rất ít doanh nghiệp đầu tư sản xuất sản phẩm CNC đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC. Đối với các doanh nghiệp lớn (chủ yếu là các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài - FDI), năng lực đầu tư ứng dụng CNC và sản xuất sản phẩm CNC cao hơn, tổng

¹ Theo số liệu của Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, chi tiết trong Phụ lục I kèm theo.

doanh thu và số lao động lớn hơn rất nhiều. Do đó, tỷ lệ đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) trên tổng doanh thu và tỷ lệ lao động R&D trên tổng số lao động khó đạt được theo tiêu chí mà Luật CNC đã quy định.

Để tháo gỡ vướng mắc nêu trên, tại Điều 75 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015) đã sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 Luật CNC như sau:

“1. Doanh nghiệp công nghệ cao phải đáp ứng đủ các tiêu chí sau đây:

a) Sản xuất sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển quy định tại Điều 6 Luật này;

b) Áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành;

c) Tiêu chí khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ”.

Trên cơ sở đó, ngày 15/6/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp CNC. Tại Điều 1 của Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg quy định:

“Doanh nghiệp công nghệ cao là doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điểm a và b Điều 75 của Luật Đầu tư, đồng thời đáp ứng các tiêu chí cụ thể sau:

1. Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của doanh nghiệp phải đạt ít nhất 70% trong tổng doanh thu thuần hàng năm.

2. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trên tổng doanh thu thuần hàng năm đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đạt ít nhất 1%. Đối với các doanh nghiệp có tổng nguồn vốn trên 100 tỷ đồng và tổng số lao động trên 300 người tỷ lệ này phải đạt ít nhất 0,5%.

3. Số lượng lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đạt ít nhất 5%. Đối với các doanh nghiệp có tổng nguồn vốn trên 100 tỷ đồng và tổng số lao động trên 300 người tỷ lệ này phải đạt ít nhất 2,5% nhưng không thấp hơn 15 người”.

Dựa vào các tiêu chí này, số lượng doanh nghiệp đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC đã tăng lên đáng kể. Trong giai đoạn năm 2015-2020 đã có thêm 26 doanh nghiệp (nâng tổng số lên 37 doanh nghiệp) đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC, ngoài ra, còn có 10 doanh nghiệp tiếp tục duy trì và được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC lần 2 (Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC có thời hạn là 5 năm)².

² Theo số liệu của Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Bộ/Bộ Khoa học và Công nghệ, chi tiết trong Phụ lục 1 kèm theo.

Tuy nhiên, tiêu chí xác định doanh nghiệp CNC được sửa đổi vẫn chưa thực sự phù hợp đối với các doanh nghiệp quy mô đặc biệt lớn, nhất là đối với các doanh nghiệp FDI thuộc các tập đoàn đa quốc gia (như Samsung, LG,...). Đối với các doanh nghiệp này, do doanh thu hằng năm và tổng số lao động rất lớn, làm cho tiêu chí về tỷ lệ chi cho hoạt động R&D trên tổng doanh thu thuần và tiêu chí tỷ lệ lao động thực hiện R&D trên tổng số lao động tại các doanh nghiệp này rất khó đạt được, mặc dù doanh nghiệp đã rất nỗ lực để đáp ứng.

Trong thời gian qua, trên thực tế, theo đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý cho phép các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Samsung được áp dụng cách tính tỷ lệ chi cho hoạt động R&D trên tổng doanh thu trừ đi giá trị nhập khẩu và tỷ lệ lao động thực hiện R&D trên tổng số lao động quy đổi theo ca sản xuất, để phù hợp với thực tiễn tại doanh nghiệp.

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, cần thiết phải rà soát, nghiên cứu sửa đổi các tiêu chí về R&D đối với doanh nghiệp CNC tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg cho phù hợp quy mô doanh nghiệp, nhằm thực hiện chủ trương đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia trong lĩnh vực CNC đầu tư hoặc mở rộng đầu tư vào Việt Nam.

II. NGUYÊN TẮC, ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG

1. Nguyên tắc

- Phù hợp với định hướng của Đảng, Chính phủ về thúc đẩy phát triển CNC và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, cũng như xu thế phát triển CNC của thế giới.

- Bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về CNC, bám sát quy định tại Luật CNC.

- Các quy định có tính khả thi cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và định hướng thu hút FDI của Việt Nam.

2. Định hướng xây dựng văn bản

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu chí doanh nghiệp CNC theo hướng điều chỉnh các tiêu chí về R&D phù hợp, tạo điều kiện thông thoáng hơn cho doanh nghiệp và thúc đẩy thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đầu tư vào lĩnh vực CNC.

- Hướng dẫn chi tiết về cách tính toán tỷ lệ chi cho hoạt động R&D và số nhân lực thực hiện R&D làm cơ sở để các doanh nghiệp đăng ký và cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC.

3. Các công việc tiến hành

3.1. Phân loại đối tượng áp dụng tiêu chí doanh nghiệp CNC:

Theo Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg TTg quy định, đối tượng áp dụng tiêu chí được phân thành 02 nhóm doanh nghiệp: doanh nghiệp lớn (có tổng nguồn vốn từ 100 tỷ đồng và tổng số lao động từ 300 người trở lên) và doanh

ng nghiệp nhỏ và vừa (theo cách phân loại tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 về việc trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa), không quy định đối tượng doanh nghiệp đặc biệt lớn.

Để tạo điều kiện thông thoáng hơn cho doanh nghiệp và thúc đẩy thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn, trong dự thảo Quyết định cần nghiên cứu bổ sung phân loại tiêu chí áp dụng đối với doanh nghiệp có quy mô đặc biệt lớn.

Theo các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều các luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020, thì có thể phân loại doanh nghiệp “đặc biệt” lớn làm 03 mức: doanh nghiệp có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên, từ 12.000 tỷ đồng trở lên và từ 30.000 tỷ đồng trở lên. Các doanh nghiệp này muốn được hưởng ưu đãi đều phải kèm theo các điều kiện về lĩnh vực hoạt động và thời gian giải ngân vốn đầu tư (trong vòng 03 năm). Tuy nhiên, việc phân loại các doanh nghiệp đặc biệt lớn làm 03 mức sẽ phức tạp trong quá trình áp dụng, hơn nữa, việc quy định các ưu đãi ở mức quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng và từ 30.000 tỷ đồng trở lên sẽ được quy định tại các chính sách ưu đãi khác.

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017 có sự thay đổi phân loại doanh nghiệp nhỏ và vừa so với Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, theo đó, Luật đã quy định: doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp không quá 200 người và tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng.

Vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất phân loại doanh nghiệp là đối tượng áp dụng tiêu chí doanh nghiệp CNC thành 03 nhóm như sau:

- Doanh nghiệp có quy mô đặc biệt lớn: là doanh nghiệp có quy mô tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên và số lao động từ 3.000 người trở lên.
- Doanh nghiệp có quy mô lớn: là doanh nghiệp có quy mô tổng vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên và số lao động từ 200 người trở lên.
- Doanh nghiệp vừa và nhỏ: là doanh nghiệp có quy mô tổng vốn đầu tư dưới 100 tỷ đồng hoặc số lao động dưới 200 người.

3.2. Phân tích tiêu chí xác định doanh nghiệp CNC theo quy mô của doanh nghiệp:

a) Về tỷ lệ doanh thu từ sản phẩm CNC trên tổng doanh thu thuần:

Từ số liệu các doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp CNC thời gian qua cho thấy hầu hết các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC đều có tỷ lệ doanh thu từ sản phẩm CNC trên tổng doanh thu hằng năm rất cao, có nhiều doanh nghiệp tỷ lệ này đạt trên 80%-90%³. Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ thấy rằng có thể giữ nguyên mức quy định tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg: tỷ lệ doanh thu từ sản phẩm CNC hằng năm phải đạt ít nhất 70% tổng doanh thu thuần.

³ Ví dụ: Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam có tỷ lệ hằng năm từ 92,88% đến 95,1%. Công ty TNHH Keefico Việt Nam, Công ty TNHH II-VI Việt Nam đạt tỷ lệ 99,99% đến 100%.

b) Về tỷ lệ chi cho R&D trên tổng doanh thu (chi cho R&D):

- Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa: với quy mô tổng nguồn vốn dưới 100 tỷ đồng, doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt mức doanh thu hạn chế. Do đó, tỷ lệ chi cho R&D cần đạt ít nhất 1% tổng doanh thu thuần hằng năm theo quy định tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg là không lớn, dao động trong khoảng từ vài chục triệu đồng đến trên dưới 1 tỷ đồng⁴.

Xem xét trên số liệu của các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC, hầu hết các doanh nghiệp này đều có tỷ lệ chi cho R&D cao hơn 1%, thậm chí có những doanh nghiệp tỷ lệ này đạt rất cao. Có thể thấy rằng, tỷ lệ chi cho R&D phải đạt ít nhất 1% tổng doanh thu thuần hằng năm là hợp lý và dễ dàng đạt được đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đối với doanh nghiệp lớn: với quy mô tổng nguồn vốn có thể lên đến vài nghìn tỷ đồng, thậm chí hàng chục nghìn tỷ đồng, thì tỷ lệ chi cho R&D 0,5% là khá lớn. Qua kiểm tra định kỳ, toàn bộ các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC đều duy trì được tỷ lệ này. Như vậy, tỷ lệ chi cho R&D phải đạt ít nhất 0,5% tổng doanh thu thuần hằng năm theo quy định tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg là phù hợp đối với các doanh nghiệp lớn đầu tư vào lĩnh vực CNC⁵.

- Đối với doanh nghiệp đặc biệt lớn: với quy mô tổng nguồn vốn có thể lên đến hàng trăm nghìn tỷ đồng, thì tổng doanh thu của doanh nghiệp hằng năm rất lớn, có thể lên từ vài chục đến trăm nghìn tỷ đồng, điều này dẫn đến tỷ lệ 0,5% của tổng doanh thu thuần hằng năm là rất lớn.

Mặt khác, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, hầu hết các doanh nghiệp đều tăng trưởng doanh thu từ 10% - 20% một năm. Khi đó, việc duy trì tiêu chí tỷ lệ chi cho R&D bằng 0,5% tổng doanh thu thuần đối với doanh nghiệp đặc biệt lớn rất khó khăn và có nguy cơ không đạt được trong những năm tiếp theo. Như vậy, việc áp dụng tiêu chí này là chưa phù hợp.

Ngoài ra, trước thời điểm Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg có hiệu lực, đối với các doanh nghiệp đặc biệt lớn, doanh thu hằng năm của doanh nghiệp rất lớn nên mặc dù tỷ lệ chi cho R&D bằng 1% là không lớn, nhưng giá trị chi cho R&D cũng rất lớn và không thể đạt được. Do đó, theo kiến nghị của doanh nghiệp, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép áp dụng cách tính: tỷ lệ chi cho R&D bằng 1% của tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị nhập khẩu. Tuy nhiên, do

⁴ Ví dụ: Công ty TNHH Hệ thống Kỹ thuật Ứng dụng (ATS Co.,Ltd.) có tổng doanh thu hằng năm từ 12 tỷ đến 15,9 tỷ đồng, tỷ lệ chi cho R&D hằng năm đạt từ 1,4% đến 2,54% tương đương 162 triệu đến 403 triệu đồng; Công ty Cổ phần thông minh MK có tổng doanh thu hằng năm từ 11,2 tỷ đến 13,9 tỷ VNĐ, tỷ lệ chi cho R&D hằng năm đạt từ 4% đến 5% tương đương 448 triệu đồng đến 695 triệu đồng.

⁵ Ví dụ: Công ty TNHH Samsung SDI Việt Nam có tổng doanh thu hằng năm từ 620 triệu đến 856 triệu đô la Mỹ, tỷ lệ chi cho R&D hằng năm đạt từ 1,05% đến 1,7% tương đương 6,5 triệu đô la Mỹ đến 14,5 triệu đô la Mỹ; Công ty TNHH Kefico Việt Nam có tổng doanh thu hằng năm từ 219 triệu đô la Mỹ đến 276 triệu đô la Mỹ, tỷ lệ chi cho R&D hằng năm đạt từ 1,1% đến 1,2% tương đương 2,4 triệu đến 3,3 triệu đô la Mỹ; Công ty TNHH HAESUNG VINA có tổng doanh thu hằng năm từ 182 triệu đô la Mỹ đến 294 triệu đô la Mỹ, tỷ lệ chi cho R&D hằng năm đạt từ 0,55% đến 0,75% tương đương 1,36 triệu đô la Mỹ đến 1,61 triệu đô la Mỹ.

tăng trưởng doanh thu hằng năm, nên tổng giá trị chi cho R&D hằng năm vẫn tăng đáng kể⁶.

Đối với một số doanh nghiệp có tỷ lệ nội địa hóa khá cao và tăng đều hằng năm, thì giá trị nhập khẩu (nguyên vật liệu, linh kiện) hằng năm giảm xuống đáng kể. Do vậy, các doanh nghiệp này đang kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ được áp dụng cách tính chi cho R&D bằng 1% tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào là nguyên liệu nhập khẩu và mua nội địa (tương đương với bằng 1% giá trị sản xuất gia tăng) của doanh nghiệp⁷.

Việc áp dụng cách tính trên là phù hợp với bản chất quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp nằm trong chuỗi giá trị toàn cầu) và tương đồng với phương pháp xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (tính theo lợi nhuận gộp) của pháp luật về thuế hiện hành. Vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất bổ sung quy định:

- Đối với doanh nghiệp có quy mô tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên và số lao động từ 3.000 người trở lên, thì tỷ lệ chi cho R&D phải đạt từ 0,5% tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (bao gồm giá trị nguyên, vật liệu, linh kiện nhập khẩu và mua nội địa) trở lên.

Đồng thời, đề nghị áp dụng thống nhất cách tính đối với toàn bộ các doanh nghiệp có quy mô khác nhau. Khi đó, tỷ lệ chi cho R&D đối với doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ được nâng lên để giá trị vẫn tương ứng với quy định cũ, cụ thể như sau:

- Đối với doanh nghiệp có quy mô tổng vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên và số lao động từ 200 người trở lên, thì tỷ lệ chi cho R&D phải bằng từ 1% tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào trở lên.

- Đối với doanh nghiệp còn lại, thì tỷ lệ chi cho R&D phải bằng từ 2% tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào trở lên.

c) Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện R&D (nhân lực R&D):

- Đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ có dưới 200 lao động, theo Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg, tỷ lệ nhân lực R&D bằng 5% tổng số lao động, nghĩa là dưới 10 người. Số lượng này không nhiều và có thể dễ dàng đạt được đối với hầu hết các doanh nghiệp cần thiết đầu tư để cải tiến công nghệ và phát triển sản phẩm CNC mới⁸.

⁶ Ví dụ: Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên có tổng doanh thu hằng năm từ 25,0 tỷ đến 28,2 tỷ đô la Mỹ, nếu tỷ lệ chi cho R&D hằng năm 1,0% doanh thu tương đương 205 triệu đô la Mỹ đến 280 triệu đô la Mỹ. Thực tế áp dụng cách tính tỷ lệ tổng doanh thu trừ đi giá trị nhập khẩu đầu vào (từ 12,9 tỷ đến 14,4 tỷ đô la Mỹ), nên chi cho R&D giảm xuống còn từ 121 triệu đô la Mỹ đến 136 triệu đô la Mỹ.

⁷ Ví dụ: Công ty TNHH Samsung Electronics HCMC CE Complex, theo báo cáo của doanh nghiệp, tỷ lệ nội địa hóa 2019 đạt 44%, có nhóm sản phẩm đạt tới 93%.

⁸ Ví dụ: Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Dược NanoGen có số nhân lực R&D là 16 người trên tổng số lao động là 106 người, tương ứng với tỷ lệ 15,53%; Công ty TNHH Lập Phúc dụng có số nhân lực R&D là 18 người trên tổng số lao động là 200 người, tương ứng với tỷ lệ 9,0%.

- Đối với doanh nghiệp lớn có số lao động dưới 3.000 người, theo quy định tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg, thì tỷ lệ nhân lực R&D bằng 2,5% tổng số lao động, nghĩa là dưới 75 người. Số lượng này khá hợp lý và có thể (tương đối dễ) đạt được. Qua xem xét trên số liệu của các doanh nghiệp đã đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC, khá nhiều các doanh nghiệp đều có tỷ lệ nhân lực R&D cao hơn 5% tổng số lao động⁹.

Từ các phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ thấy rằng tỷ lệ nhân lực R&D đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp lớn (có quy mô tổng vốn đầu tư dưới 3.000 tỷ đồng hoặc dưới 3.000 người) giữ nguyên ở mức bằng 5% và 2,5% tổng số lao động như quy định tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg là phù hợp.

- Đối với doanh nghiệp đặc biệt lớn, số lao động từ 3.000 người đến vài chục nghìn người, trước thời điểm Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg có hiệu lực, nhiều doanh nghiệp đã không thể đạt được tỷ lệ nhân lực R&D bằng 5% tổng số lao động theo quy định. Do đó, theo kiến nghị của doanh nghiệp, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép áp dụng cách tính: nhân lực R&D bằng 5% của tổng lao động 1 ca cộng với số lao động hành chính và nhân lực R&D được tính cả số lao động có trình độ cao đẳng tham gia R&D tại doanh nghiệp 1 năm trở lên¹⁰.

Từ khi Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg có hiệu lực, các doanh nghiệp lớn có thể áp dụng cách xác định tiêu chí như đã nêu trên hoặc áp dụng tỷ lệ nhân lực R&D bằng 2,5 % tổng số lao động trở lên theo Quyết định này. Tuy nhiên, khả năng đạt được tiêu chí quy định tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg của doanh nghiệp đặc biệt lớn cũng khó khăn và có một số doanh nghiệp vẫn không thể đạt được. Như vậy, riêng đối với các doanh nghiệp đặc biệt lớn, thì các tiêu chí nhân lực R&D theo quy định tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg chưa thực sự phù hợp.

Ngoài ra, theo đề xuất của một số doanh nghiệp, do hoạt động R&D tại doanh nghiệp sản xuất có đặc thù riêng. Có những trường hợp lao động làm việc tại khu vực sản xuất vẫn thực hiện R&D để cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Các lao động này không nhất thiết phải là kỹ sư có bằng đại học trở lên, mà có thể là các kỹ thuật viên. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp, thì nhân lực R&D đề nghị được tính cả lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trực tiếp thực hiện R&D. Quy định này áp dụng thống nhất đối với toàn bộ các doanh nghiệp có quy mô khác nhau.

Từ phân tích trên, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất điều chỉnh tiêu chí về tỷ lệ nhân lực R&D để xác định doanh nghiệp CNC như sau:

⁹ Ví dụ: Công ty TNHH Nissei Electric Việt Nam có số nhân lực R&D là 178 người trên tổng số lao động là 3411 người, tương ứng với tỷ lệ 5,22%; Công ty TNHH Nissei Electric Hà Nội có số nhân lực R&D là 217 người trên tổng số lao động là 3192 người, tương ứng với tỷ lệ 6,8%.

¹⁰ Ví dụ: Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên, năm 2017, có số nhân lực R&D là 1.514 người trên tổng số lao động là 62.387 người, chỉ đạt tỷ lệ 2,4%. Còn nếu tính tỷ lệ theo số lao động hành chính cộng số lao động một ca là 30.276 người thì đạt 5%.

- Đối với doanh nghiệp có quy mô tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên và số lao động từ 3.000 người trở lên, thì tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 1% tổng số lao động của doanh nghiệp;

- Đối với doanh nghiệp quy mô tổng vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên và số lao động từ 200 người trở lên, thì tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 2,5% tổng số lao động của doanh nghiệp;

- Đối với doanh nghiệp còn lại, thì tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 5% tổng số lao động của doanh nghiệp.

3.3. Bổ sung quy định chi tiết nội dung chi cho R&D:

Khi triển khai các dự án thành lập doanh nghiệp CNC, nhiều doanh nghiệp đã đề nghị hướng dẫn cụ thể các nội dung chi cho R&D. Đặc biệt, khi xem xét, cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC cần có số liệu báo cáo chi tiết về các nội dung chi cho R&D của doanh nghiệp. Trước đây, theo đề nghị của một số doanh nghiệp và được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn hướng dẫn chi tiết về nội dung chi cho R&D cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, văn bản hướng dẫn đó không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

Ngoài ra, có một số địa phương đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chi tiết về nội dung chi cho R&D. Tuy nhiên, việc ban hành Thông tư hướng dẫn Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là không phù hợp. Gần đây nhất, trong Quý III năm 2020, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tham gia Đoàn công tác của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính của Văn phòng Chính phủ, làm việc với Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bắc Ninh, Thái Nguyên và Vĩnh Phúc và làm việc trực tiếp với một số doanh nghiệp CNC, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC. Tại các buổi làm việc, đại diện của Bộ Khoa học và Công nghệ đã ghi nhận được một số khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị của các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương cũng như các doanh nghiệp, trong đó có kiến nghị hướng dẫn xác định cụ thể các nội dung tính toán tiêu chí R&D đối với doanh nghiệp CNC.

Vì vậy, tại dự thảo Quyết định này, cần thiết bổ sung quy định cụ thể về các nội dung chi cho hoạt động R&D để doanh nghiệp dễ áp dụng. Quy định này sẽ được áp dụng thống nhất cho toàn bộ các doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp CNC (không phân biệt quy mô).

Sau khi nghiên cứu tham khảo các tài liệu trong và ngoài nước, đặc biệt là tài liệu hướng dẫn thu thập và báo cáo thống kê về R&D của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế - OECD (Frascati Manual 2015), trong đó có hướng dẫn chi tiết về chi cho R&D. Đồng thời, vận dụng từ thực tiễn cách tính toán chi cho R&D đã hướng dẫn cho doanh nghiệp, kể từ khi Luật CNC có hiệu lực đến nay và tham khảo các ý kiến của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có

liên quan, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất quy định chi tiết nội dung chỉ cho R&D gồm:

- a) Chi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam (khấu hao hằng năm);
- b) Chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển thường xuyên hằng năm;
- c) Chi đào tạo;
- d) Chi phí bản quyền, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động R&D.

3.4. Về điều khoản chuyển tiếp:

Có hai trường hợp chuyển tiếp như sau:

- Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực, nhưng cần duy trì các tiêu chí doanh nghiệp CNC để được hưởng ưu đãi doanh nghiệp CNC trong thời hạn 5 năm của Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC;

- Doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực, mà chưa được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất điều khoản chuyển tiếp cho phép doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng tiêu chí theo quy định tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg hoặc quy định tại Quyết định mới.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong quá trình triển khai xây dựng dự thảo Quyết định, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu đánh giá toàn diện kết quả triển khai Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg. Đồng thời, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã làm việc với các bộ, ngành, địa phương để trao đổi thông tin, xin ý kiến tư vấn của các chuyên gia đảm bảo xác định (mức) tiêu chí phù hợp với các quy mô doanh nghiệp.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã thành lập Tổ biên tập xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp CNC gồm đại diện các Bộ, ngành có liên quan.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ đã đăng tải dự thảo Quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến góp ý rộng rãi.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội doanh nghiệp có liên quan để lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Quyết định.

Đồng thời, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức 02 Hội thảo lấy ý kiến trực tiếp các bộ ngành, hiệp hội, doanh nghiệp và các chuyên gia. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện dự thảo Quyết định (các ý kiến góp ý đã được giải trình, tiếp thu trong Phụ lục 2 kèm theo Tờ trình).

5. Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện Hồ sơ gửi Bộ Tư pháp để tổ chức họp thẩm định dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí xác định doanh nghiệp CNC.

6. Sau khi nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về tiêu chí xác định doanh nghiệp CNC, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUYẾT ĐỊNH

Dự thảo Quyết định gồm 05 điều, gồm những nội dung chủ yếu sau:

Điều 1: Quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2: Quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao, gồm:

- Khoản 1. Quy định tiêu chí về tỷ lệ sản phẩm CNC;
- Khoản 2. Quy định tiêu chí về tổng chi cho nghiên cứu và phát triển;
- Khoản 3. Quy định tiêu chí về nhân lực nghiên cứu và phát triển.

Điều 3: Quy định chi tiết nội dung chi cho hoạt động R&D.

Điều 4: Quy định chuyên tiếp.

Điều 5: Quy định thi hành.

Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí xác định doanh nghiệp CNC thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Công Thương, Tài chính;
- Các thành viên Tổ biên tập;
- Vụ CNC, Vụ PC, VPĐK;
- Lưu: VT, ĐTG.

BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao.
2. Quyết định này áp dụng đối với các doanh nghiệp đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao tại Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao

Doanh nghiệp công nghệ cao phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 18 của Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 75 của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và khoản 3 Điều 76 của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, đồng thời đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

1. Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của doanh nghiệp phải đạt ít nhất 70% trong tổng doanh thu thuần hằng năm.

2. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp hằng năm phải thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đối với doanh nghiệp có tổng nguồn vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng và tổng số lao động từ 3.000 người trở lên thì tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển hằng năm phải đạt ít nhất 0,5% tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (bao gồm giá trị nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu và mua nội địa) của doanh nghiệp;

b) Đối với doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, có tổng nguồn vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng và tổng số lao động từ 200 người trở lên thì tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển hằng năm phải đạt ít nhất 1% tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào của doanh nghiệp;

c) Đối với doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này thì tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển hằng năm

phải đạt ít nhất 2% tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào của doanh nghiệp.

3. Số lượng lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển phải thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đối với doanh nghiệp có tổng nguồn vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng và tổng số lao động từ 3.000 người trở lên thì số lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 1% tổng số lao động của doanh nghiệp;

b) Đối với doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, có tổng nguồn vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng và tổng số lao động từ 200 người trở lên thì số lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 2,5% tổng số lao động của doanh nghiệp;

c) Đối với doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này thì số lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 5% tổng số lao động của doanh nghiệp.

Lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển quy định tại khoản này là số lao động đã ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 năm trở lên hoặc hợp đồng không xác định thời hạn với doanh nghiệp. Số lao động có trình độ cao đẳng không vượt quá 30% tổng số lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển.

Điều 3. Nội dung chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển

1. Chi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam (khấu hao hàng năm) bao gồm: chi xây lắp cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; chi mua sắm trang thiết bị nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; chi mua sản phẩm mẫu, chi mua phần mềm, tài liệu, dữ liệu, thông tin phục vụ nghiên cứu.

2. Chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển thường xuyên hàng năm bao gồm: tiền lương và các khoản có tính chất giống lương (thường, phụ cấp, khoản chi phí đi lại, công tác phí, bảo hiểm và các khoản phúc lợi khác) cho lao động nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu; chi thù lao cho chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học có liên quan đến nội dung nghiên cứu; chi thuê cơ sở, thiết bị, máy móc phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; chi bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển; chi mua dụng cụ, vật tư, nguyên liệu vật liệu, hóa chất, năng lượng, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng và các khoản chi thường xuyên khác phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển.

3. Chi đào tạo bao gồm: chi đào tạo dài hạn hoặc trung hạn, ngắn hạn ở trong nước, ở nước ngoài cho lao động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp; chi hỗ trợ đào tạo (hoặc cấp học bổng, trang thiết bị, máy móc) cho các tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam và các chi phí đào tạo khác phục vụ

cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp.

4. Chi phí bản quyền, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển theo hợp đồng chuyển giao công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; phí đăng ký công nhận hoặc bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích là kết quả hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp.

5. Những nội dung chi sau đây không được tính chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp: chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm hoặc kiểm tra định kỳ nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng; chi phí thu thập dữ liệu định kỳ không liên quan đến nghiên cứu; chi phí điều tra về hiệu quả hoặc nghiên cứu về quản lý; chi phí nghiên cứu về tiếp thị và quảng cáo bán hàng.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, thì được lựa chọn thực hiện theo quy định đang có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021 và thay thế cho Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Lưu: VT, VPCP.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Số TT	TÊN DOANH NGHIỆP	Lĩnh vực	Loại hình đầu tư	Địa bàn hoạt động	Ngày cấp GCN	Tổng vốn đầu tư	Đơn vị tiền tệ	Tổng doanh thu hàng năm			
								N 1	N 2	N 3	N 4
1	Công ty TNHH MTEX Việt Nam	Điện tử	FDI	Nam	15/5/2012	5.158.329	USD	23.858.827	19.752.501	20.529.313,40	15.478.345,83
2	Công ty TNHH Nissei Electric Việt Nam	Điện tử	FDI	Nam	16/10/2012	40.000.000	USD	124.521.356	107.360.031	100.786.980	92.785.476
3	Công ty TNHH Nidec Tosok VN.	Điện tử	FDI	Nam	22/8/2013	109.789.623	USD	225.593.387	270.112.326	278.133.017	287.334.254
4	Công ty Cổ phần thông minh MK	CNTT	VN	Bắc	18/10/2013	4.761.905	USD	11.219.687	13.916.587		
5	Công ty TNHH Nissei Electric Hà Nội.	Điện tử	FDI	Bắc	27/12/2013	100.000.000	USD	82.438.779	66.578.888	70.223.609	67.609.652
6	Công ty TNHH Hệ thống Kỹ thuật Ứng dụng (ATS Co.,Ltd.)	CNTT	VN	Bắc	25/4/2014	1.328.640	USD	12.843.791	13.539.811		15.958.923
7	Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Dược NanoGen	CNSH	VN	Nam	23/7/2014	6.387.035	USD	9.400.026	1.060.268	8.538.721	
8	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	Điện tử	FDI	Bắc	14/8/2014	2.500.000.000	USD	18.811.996.943	16.297.302.819	16.729.179.000	17.113.442.000
9	Công ty TNHH Samsung SDI Việt Nam	Điện tử	FDI	Bắc	16/9/2014	132.600.000	USD	652.430.587	620.008.241	630.359.328	886.259.718
10	Công ty TNHH Sonion Việt Nam	Điện tử	FDI	Nam	14/10/2014	25.000.000	USD	89.844.000	59.492.000	91.694.000	97.360.000
11	Công ty TNHH II-VI Việt Nam	TDH	FDI	Nam	25/12/2014	31.000.000	USD	43.771.346	44.745.811	46.974.666	57.192.746

12	Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung	Cơ khí	VN	Bắc	9/9/2015	107.708.455	USD				
13	Công ty TNHH Lập Phúc	Cơ khí	VN	Nam	25/9/2015	6.643.202	USD	5.961.976	5.818.136		4.920.627
14	Công ty TNHH Kefico Việt Nam	TDH	FDI	Bắc	23/10/2015	130.000.000	USD	125.245.490		219.228.670	276.033.032
15	Công ty TNHH Công nghệ Namuga Phú Thọ	Điện tử	FDI	Bắc	11/11/2015	40.000.000	USD	223.904.367,53	205.687.888	278.045.209	309.359.933
16	Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông (VNPT)	Điện tử	VN	Bắc	29/7/2016	9.508.695	USD	87.933.170	141.728.527	84.414.625	85.115.493
17	Công ty Cổ phần Bang Joo Electronics Việt Nam	Điện tử	FDI	Bắc	10/11/2016	70.000.000	USD	78.974.130	119.246.073		
18	Công ty TNHH JNTC VINA	Điện tử	FDI	Bắc	18/01/2017	80.000.000	USD	14.354.459	88.587.813	224.600.043,55	
19	Công ty TNHH MCNEX VINA	Điện tử	FDI	Bắc	3/2/2017	74.000.000	USD	364.566.823	482.747.077	965.395.154	
20	Công ty TNHH HAESUNG VINA	Điện tử	FDI	Bắc	27/4/2017	72.000.000	USD	277.951.550	182.166.024	293.803.006,60	
21	Công ty TNHH Nissei Electric Việt Nam	Điện tử	FDI	Nam	11/8/2017		USD	75.040.605	76.763.797		
22	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	Điện tử	FDI	Bắc	4/12/2017	5.000.000.000	USD	20.357.180.608	25.761.794.568	28.199.079.205	
23	Công ty TNHH BHFLEX VINA	Điện tử	FDI	Bắc	21/12/2017	61.000.000	USD	91.118.792	387.161.710	430.784.481	
24	Công ty Cổ phần Crucial TEC Vina	Điện tử	FDI	Bắc	1/2/2018	60.000.000	USD	223.127.467	53.225.357		
25	Công ty TNHH Cammsys Việt Nam	Điện tử	FDI	Bắc	1/2/2018	36.000.000	USD	235.835.930	344.841.777	480.647.408	576.325.165
26	Công ty TNHH ITM Semiconductor Vietnam	Điện tử	FDI	Bắc	14/6/2018	54.000.000	USD	113.446.391	106.294.237	208.323.738	

27	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Năng lượng Mặt trời Bovieet	VLM	FDI	Bắc	17/7/2018	100.000.000	USD	224.095.478	153.188.922	186.523.135	
28	Công ty TNHH HNT	Điện tử	FDI	Bắc	10/8/2018	20.000.000	USD	144.038.220	192.808.975	246.557.871	
29	Công ty TNHH Samsung Electro-Mechanics Việt Nam	Điện tử	FDI	Bắc	6/9/2018	1.230.000.000	USD	1.236.930.459	1.676.791.749	1.768.563.451	
30	Công ty TNHH SD Golobal Việt Nam	VLM	FDI	Bắc	10/9/2018	66.008.043	USD	79.546.622	51.466.987		
31	Công ty TNHH Samsung SDI Việt Nam	Điện tử	FDI	Bắc	16/9/2018		USD	877.746.752	1.227.446.884	1.289.618.378	
32	Công ty Cổ phần VCCORP	CNTT	Việt Nam	Bắc	29/11/2018	3.436.950	USD	33.322.475			
33	Công ty TNHH Nidec Tosok Việt Nam	Điện tử	FDI	Nam	14/12/2018		USD	164.590.691			
34	Công ty TNHH Nissei Electric Hà Nội	Điện tử	FDI	Bắc	24/12/2018		USD	75.059.386			
35	Công ty Cổ phần ATS	CNTT	VN	Bắc	16/4/2019		USD	18.563.278			
36	Công ty TNHH Samsung Electronics VN	Điện tử	FDI	Bắc	29/5/2019		USD	19.167.844.000			
37	Công ty TNHH Lập Phúc	Cơ khí	VN	Nam	15/7/2019		USD	5.800.942			
38	Công ty Cổ phần thông minh MK	Điện tử	VN	Bắc	14/10/2019						
39	Công ty TNHH Vonfram Masan	VLM	VN	Bắc	27/12/2019	54.000.000	USD				
40	Công ty TNHH SI FLEX Việt Nam	Điện tử	FDI	Bắc	31/12/2019	106.000.000	USD				
41	Công ty TNHH Sonion Việt Nam	Điện tử	FDI	Nam	10/1/2020						

42	Công ty TNHH Khuôn chính xác Duy Tân	Cơ khí	VN	Nam	10/1/2020	8.695.000	USD				
43	Công ty Cổ phần G-Innovations Việt Nam	Điện tử	VN	Bắc	27/4/2020	434.783					
44	Công ty TNHH Giải pháp số Tekbox Việt Nam	Điện tử	FDI	Nam	16/6/2020	115.000					
45	Công ty TNHH Hyundai Kefico Việt Nam	TDH	FDI	Bắc	4/8/2020						
46	Công ty TNHH Patron ViNa	Điện tử	FDI	Bắc	11/1/2020	300.000.000					
Tổng						10.645.575.660		45.039.322.606	48.085.257.138	52.142.881.351	19.817.565.713

Tổng doanh thu DNCNC (4 năm) **165.085.026.807,64**
 Tổng nhân lực DNCNC (năm 1) **138.480**
 Tổng nhân lực R&D **7166**
 Tổng vốn đầu tư **10.345.575.660**

Lĩnh vực	Số DN
VLM	3
CNSH	1
CNTT	
Điện tử+ CNTT	26
CK Tự động hóa	6
Tổng	36

Địa bàn hoạt động	Số DN
Bắc	27
Nam	9
Tổng	36

Loại hình đầu tư	Số DN
FDI	26
Việt Nam	10
Tổng	36

Ghi chú:

- 1 Công ty Nissei Electric Việt Nam, Nissei HN, Nidec Tosok, Samsung SDI Việt Nam, MK, ATS, Samsung Electronics VN, Lập Phúc được cấp GCN DNCNC lần 2 do vậy số liệu về vốn đầu tư không đối so với Giai đoạn được cấp GCN lần đầu (10 công ty)

	Doanh thu từ CNC				Chi phí cho R&D				Tổng LĐ	LĐ R&D	Tổng LĐ	LĐ R&D	Tổng LĐ	LĐ R&D
	(tỉ lệ %/tổng doanh thu)				(tỉ lệ %/tổng doanh thu)									
	N 1	N 2	N 3	N 4	N1	N 2	N 3	N 4		N1		N2		N3
1	72	69	71	66	1,9	2,4	2,5	2,9						
2	80,7	76,9	77,7	79,2	1,2	1,1	1,2	1,11	3411	178				
3	99,8	100	99,8	99,79	1,5	1,6	1,4	1,24						
4	83	89			4,00	5,00				133				
5	86,4	84,1	81,2	99	2,4			2,9	3192	217				
6	93,2	91,7	84,34	83,94	1,4	2,54	2,55	2,09						
7	93,01	79,63	82,1		7,15	9,27	16,2		106	16				
8	95,1	94,7		92,88	8	11		8,11	46.000	2497				
9	86,4	97,4	95,78		1,7	1,6	1,053		2714	155				
10	100				2,9	3,56	3,6	3,9	3569	112				
11	100	100		100	2,3	2,7	3,01	2,44	1206	43				

12					6.75				1280	72				
13	71,1	77		86,3	56,5	45,93		2,14	200	18				
14	99,99	99,99	99,99	99,99	2,24		1,1	1,2	999	46				
15	86,27	98	99,6	99,8	0,8	1,03	0,86	1,26	2471	108				
16	76	70,23	76	61,14	1,90	2,52	3,82	3,84	878	289				
17	99,32	99,42			2,35	0,84			2549	79				
18	93	99,7	99,9		3	0,77	0,68		950	30				
19	99,6	99,2	90,5		0,73	0,8	0,7		5525	154				
20	100	100	99,45		0,63	0,75	0,55		3345	107	4002	100	3142	108
21	76,6	75,5			1,21	1,58			1957	115	1877	117		
22	80,67	85,54	88,01		2,41	2,25	2,1		30.267	1514	29.564	1617	32.863	1648
23	99,63	99,93	99,92		0,65	0,72	0,74		2054	59	2068	93		
24	99,26	98,46			1,35	2,65			526	64	304	43		
25	99,97	100	100	100	0,72	1,3	1,12		2984	106	3194	117	4096	121
26	93,86	91,28	87,17		0,76	1,13	1,6		909	57	793	66	1860	77

42														
43														
44														
45														
46														
									138480	7166				

Ghi chú:

2 Tổng nhân lực của SEVT năm 2017 là 62.387 người, tỷ lệ nhân lực R&D ở đây được tính trên tổng lao động của I ca là 30.267 n;
 Tổng nhân lực của SEVT năm 2018 là 62.413 người, tỷ lệ nhân lực R&D ở đây được tính trên tổng lao động của I ca là 29.564 n;

Phụ lục 2
BÁO CÁO GIẢI TRÌNH TIẾP THU
Các ý kiến góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định 19/2015/QĐ-TTg

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xin ý kiến góp ý	Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị đã gửi ý kiến góp ý
<ul style="list-style-type: none">- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: 21- Hiệp hội, doanh nghiệp: 14- Địa phương: 63 UBND các tỉnh, thành phố;- Ban QL Khu CNC: 03	<ul style="list-style-type: none">- Bộ cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: 13 (Bộ Tư pháp; Bộ Công Thương; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Ngoại giao; Bộ Nội vụ; Bộ Xây dựng; Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư).- Hiệp hội, doanh nghiệp: 03 (VCCI, Công ty TNHH Samsung Electronics Việt nam, Cty TNHH Mtex Việt Nam);- Địa phương: 42(UBND/ Sở KHCCN các tỉnh, thành phố: An Giang, Bắc Kan, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Cà Mau, Cao Bằng, Cần Thơ, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Đồng Nai, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Hậu Giang, Hòa Bình, Hưng Yên, Khánh Hòa, Kon Tum, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Long An, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sóc Trăng, Sơn La, Thái Bình, TP. HCM; Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc);- Ban QL Khu CNC: 02 (Đà Nẵng, Tp. HCM);

TT	Nội dung ý kiến	Cơ quan, tổ chức	Giải trình tiếp thu
I	Thông nhất với các nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Xây dựng; Các địa phương: Bắc Kạn; Bình Thuận; Cà Mau; Cao Bằng; Đà Nẵng; Đắk Lắk; Đắk Nông; Đồng Tháp; Hà Giang; Hòa Bình; Kon Tum; Lai Châu; Phú Thọ; Quảng Bình; Quảng Nam; Quảng Ngãi; Quảng Ninh; Kon Tum; Kiên Giang; Sóc Trăng; Sơn La; Thái Nguyên; Tiền Giang; Ban QL KCNC Đà Nẵng;	
II	Đối với dự thảo Tờ trình		
1	Nhất trí sửa đổi các tiêu chí theo hướng phân biệt quy mô doanh nghiệp để có các tiêu chí tương ứng, phù hợp với tình hình thực tiễn. Tuy nhiên đề nghị thuyết minh cụ thể hơn. Căn cứ thông tin phân tích số liệu cụ thể của các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC để xem hiện trạng R&D như thế nào để đưa ra tiêu chí sửa đổi phù hợp.	Bộ Tư pháp, Bộ Công an;	Tiếp thu, bổ sung thuyết minh cụ thể các phương án lựa chọn các tiêu chí trong dự thảo Tờ trình.
2	Chưa có giải trình việc hạ tiêu chuẩn lao động R&D từ đại học xuống cao đẳng (trở lên) trong dự thảo tờ trình	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tiếp thu, bổ sung giải trình trên vào dự thảo Tờ trình
III	Đối với dự thảo Quyết định		
I	Căn cứ pháp lý		

1.1	- Đề nghị sửa nội dung “ <i>Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001</i> ” sửa thành “ <i>Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019</i> ”;	Sở KH&CN tỉnh: Bạc Liêu, Đồng Nai, Quảng Trị, Lạng Sơn, Vĩnh Long.	- Tiếp thu, sửa lại: “ <i>Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019</i> ”;
1.2	- Xem xét bổ sung căn cứ pháp lý là “ <i>Luật Đầu tư năm 2014</i> ”;	Sở KH&CN tỉnh: Lạng Sơn, Quảng trị, Hưng Yên; Ban QL KCNC TP. HCM	- Tiếp thu, bổ sung như sau: “ <i>Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020</i> ”;
2	Quy định về phạm vi và đối tượng điều chỉnh		
	Dự thảo Quyết định chưa có quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Bộ Tư pháp	Tiếp thu, bổ sung Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.
3	Quy định chung về tiêu chí doanh nghiệp CNC		
3.1	Điều 1, sửa cụm từ “ <i>Doanh nghiệp công nghệ cao là doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm a và b Điều 75 của Luật Đầu tư số 67/2014/QH/QH14...</i> ” thành cụm từ “ <i>Doanh nghiệp công nghệ cao là doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 75 của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13...</i> ”	Sở KH&CN tỉnh: Lạng Sơn, Quảng trị	- Tiếp thu, sửa lại như sau: “ <i>Doanh nghiệp công nghệ cao là doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 18 Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 75 của Luật Đầu tư số 67/2014/QH/QH14 và khoản 3 Điều 76 của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14...</i> ”
3.2.	- Về phân loại doanh nghiệp, đề nghị nghiên cứu áp dụng thuật ngữ và phân loại theo Luật doanh nghiệp vừa và nhỏ; - Đề nghị phân loại doanh nghiệp theo quy mô: (i) doanh nghiệp vừa và nhỏ; (ii) doanh nghiệp lớn; (iii) doanh nghiệp đặc biệt lớn.	- Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Ngoại giao	- Giữ nguyên như Dự thảo, giải trình: Đã phân loại theo Luật doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tuy nhiên, cần bổ sung thêm trường hợp doanh nghiệp đặc biệt lớn; - Giữ nguyên như Dự thảo, giải trình: Đã phân loại doanh nghiệp theo quy mô như trong Tờ trình.
3.3	- Đề nghị bổ sung các tiêu chí phù hợp cho từng vùng và cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ;	Sở KH&CN TP. Cần Thơ	Giữ nguyên như Dự thảo, giải trình:

	- Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành thông tư hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chí trên.		- Luật Công nghệ cao không quy định cơ chế ưu đãi riêng cho từng vùng; - Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 32/2011/TT-BKH&CN ngày 15/11/2011 quy định về việc trình tự, thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2020/TT-BKH&CN ngày 28/9/2020. Dự thảo đã quy định tiêu chí riêng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; đã bổ sung thêm nội dung hướng dẫn cụ thể về chi cho R&D, việc ban hành thêm thông tư hướng dẫn cụ thể là không cần thiết.
3.4	Đề nghị bổ sung Điều 3b; Giao Bộ KH&CN phối hợp với các Bộ, ngành liên quan cụ thể hóa các tiêu chí này thông qua việc xây dựng thang bảng điểm và quy định mức điểm tối thiểu để được công nhận doanh nghiệp CNC.	Sở KH&CN tỉnh Long An	Giữ nguyên như Dự thảo, giải trình: Các tiêu chí đã được cụ thể hóa, khá rõ ràng. Không nên "xây dựng thang bảng điểm và quy định mức điểm tối thiểu", sẽ gây phức tạp thêm và khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tự xem xét khả năng đáp ứng tiêu chí doanh nghiệp CNC.
3.5	Nghiên cứu quy định bổ sung tiêu chí đánh giá về mức độ tiên tiến công nghệ của doanh nghiệp được xác định doanh nghiệp CNC.	Bộ Nội vụ	Giữ nguyên như Dự thảo, giải trình: Dự thảo Quyết định về tiêu chí doanh nghiệp CNC chỉ xem xét sản phẩm của doanh nghiệp có thuộc Danh mục sản phẩm CNC được khuyến khích phát triển hay không. Tiêu chí công nghệ cũng là một yếu tố rất quan trọng, tuy nhiên đối với doanh nghiệp CNC, cần xem xét tập trung vào sản phẩm, về nguyên tắc công nghệ lạc hậu không thể sản xuất sản phẩm CNC được. Đối với tiêu chí về công nghệ được tập trung xem xét trong dự án ứng dụng CNC.
3.6	- Xem xét giảm bớt các tiêu chí chưa phù hợp và định lượng các tiêu chí để thúc đẩy số lượng doanh nghiệp đạt được chứng nhận CNC; - Tiêu chí quy định doanh nghiệp phải áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng	Bộ Thông tin và Truyền thông;	Giữ nguyên như Dự thảo, giải trình: - Dự thảo đã chỉnh sửa theo hướng nới lỏng các tiêu chí để tại điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc đáp ứng và khuyến khích nhiều doanh nghiệp đăng ký hơn; - Tiêu chí này đã được quy định tại Luật CNC, việc sửa đổi ngoài thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

	sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, cần chi rõ tên tiêu chuẩn Việt Nam, quốc tế cần áp dụng.		
3.7	Nghiên cứu để bổ sung các quy định nhằm đảm bảo doanh nghiệp FDI tăng đầu tư vào nghiên cứu phát triển trong giai đoạn 2020-2030 thì mới được hưởng ưu đãi về CNC. Đối với các doanh nghiệp Việt Nam thì nên thúc đẩy phát triển số lượng.	Bộ Thông tin và Truyền thông;	Giữ nguyên như Dự thảo, giải trình: Hiện nay, theo quy định của Luật Đầu tư 2020, Bộ KH&ĐT đang dự thảo chính sách nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đặc biệt lớn. Đồng thời, doanh nghiệp càng tăng đầu tư cho R&D thì càng được hưởng mức ưu đãi cao hơn. Mặt khác, chính sách cần quy định chung cho tất cả các doanh nghiệp, tránh phân biệt đối xử.
3.8	Bổ sung thêm các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao; hiệu lực; việc cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.	Sở KH&CN tỉnh Tuyên Quang	Giữ nguyên, giải trình: Các nội dung này đã được quy định tại Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ.
3.9	Đánh giá sự cần thiết quy định chi tiết về nội dung chi cho R&D.	Bộ Tư pháp	Tiếp thu, giải trình cụ thể trong Tờ trình: Khi triển khai các dự án thành lập doanh nghiệp CNC, nhiều doanh nghiệp đã đề nghị hướng dẫn cụ thể các nội dung được tính chi cho R&D. Đặc biệt, khi xem xét, cấp Giấy CN doanh nghiệp CNC cần có số liệu báo cáo chi tiết về nội dung chi cho R&D của doanh nghiệp. Trước đây, theo đề nghị của một số doanh nghiệp và được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ KH&CN đã có Công văn hướng dẫn chi tiết về nội dung chi cho R&D cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, văn bản hướng dẫn đó không phải là văn bản QPPL. Ngoài ra, có địa phương đề nghị Bộ KH&CN ban hành Thông tư quy định chi tiết về nội dung chi cho R&D. Tuy nhiên, việc ban hành Thông tư là không phù hợp. Do đó, Bộ KH&CN đề xuất bổ sung quy định chi tiết nội dung chi cho R&D trong dự thảo Quyết định. Quy định này làm căn cứ để các doanh nghiệp kê khai số liệu minh chứng việc đáp

			ứng tiêu chí chỉ cho R&D. Đối với cơ quan quản lý, đây là căn cứ để xem xét cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC và kiểm tra, giám sát việc duy trì đáp ứng tiêu chí của doanh nghiệp.
4	Quy định tiêu chí về tỷ lệ sản phẩm CNC		
4.1	<p>- Tại Khoản 1, Điều 1: chỉnh sửa quy định về doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của doanh nghiệp phải đạt ít nhất 70% trong tổng doanh thu thuần hằng năm chưa phù hợp với quy định trong Thông tư số 12/2016/TTLT-BKH&CN-BTC về Quỹ phát triển khoa và học công nghệ của doanh nghiệp.</p> <p>- Xem xét giảm tỉ lệ % doanh thu từ sản phẩm CNC của doanh nghiệp (xuống 60%).</p>	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông;</p> <p>Sở KH&CN tỉnh: An Giang; Phú Yên</p>	<p>Giữ nguyên, giải trình:</p> <p>- Thông tư số 12/2016/TTLT-BKH&CN-BTC có phạm vi điều chỉnh ngoài phạm vi điều chỉnh của Quyết định này;</p> <p>- Từ số liệu các doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp CNC thời gian qua cho thấy, hầu hết các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC đều có tỷ lệ doanh thu từ sản phẩm CNC rất cao, có nhiều doanh nghiệp tỷ lệ này đạt trên 80%-90%. Ví dụ: Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam có tỷ lệ hằng năm từ 92,88% đến 95,1%. Công ty TNHH Kefico Việt Nam, Công ty TNHH II-VI Việt Nam đạt tỷ lệ 99,99% đến 100%. Do đó, tại dự thảo Quyết định đề nghị giữ nguyên quy định doanh thu hằng năm từ sản phẩm CNC phải đạt từ 70% trở lên.</p>
4.2	Làm rõ từ ngữ hoặc danh mục sản phẩm CNC của doanh nghiệp trên cơ sở cụ thể hóa giải thích từ ngữ tại Luật CNC để thuận lợi khi áp dụng thực tiễn.	Sở KH&CN tỉnh An Giang	Giữ nguyên, giải trình: Danh mục sản phẩm CNC đã quy định rõ tại khoản 2 Điều 6 Luật CNC
4.3	Đề nghị sửa khoản 1 Điều 1: " <i>Doanh thu bình quân của doanh nghiệp trong 3 năm liên từ sản phẩm công nghệ cao phải đạt ít nhất 60% trong tổng doanh thu hằng năm, từ năm thứ tư trở đi phải đạt 70% trở lên</i> " cho phù hợp với quy định tại Điều 18 Luật CNC và thực tiễn hiện nay	Bộ Quốc phòng	<p>Giữ nguyên, giải trình:</p> <p>Việc quy định "doanh thu bình quân của doanh nghiệp trong 3 năm", sẽ kéo dài thời gian được xem xét cấp Giấy chứng nhận doanh CNC. Để thuận tiện cho doanh nghiệp, đồng thời đã xét đến khả năng đáp ứng tiêu chí này hằng năm nên tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg đã quy định số liệu "doanh thu hằng năm". Mặt khác, từ số liệu các doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp CNC thời gian qua cho thấy, hầu hết các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC đều có tỷ lệ doanh thu từ sản phẩm CNC rất cao. Do đó, tại dự thảo Quyết định đề nghị</p>

			giữ nguyên quy định doanh thu hằng năm sản phẩm CNC phải đạt từ 70% trở lên.
4.4	Do đặc thù ngành CNC nhiều khi bị ảnh hưởng biến động rất lớn do thị trường cạnh tranh khốc liệt, nên có thể có những năm doanh thu từ CNC không đạt ít nhất 70%, vì vậy đề nghị xem xét bình quân 3 năm gần nhất.	Cty TNHH Mtex Việt Nam	Giữ nguyên, giải trình: Việc xây dựng tiêu chí cần xem xét mặt bằng chung của tất cả các doanh nghiệp. Hơn nữa, việc xem xét bình quân 3 năm gần nhất, yêu cầu doanh nghiệp cần phải thời gian hoạt động lâu hơn để được xem xét cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC.
5	Quy định tiêu chí về chi cho R&D		
5.1	Tách khoản 4. Điều 1 thành nội dung quy định riêng (không thuộc Điều 1)	Bộ Tài Nguyên Môi trường; Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Tiếp thu, chuyển khoản 4 Điều 1 thành Điều 3. <i>Nội dung chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển</i>
5.2	Xác định rõ "tổng nguồn vốn" là "vốn chủ sở hữu" hay "vốn điều lệ", "vốn đầu tư đăng ký"; Tổng doanh thu là của năm trước hay bình quân các năm trước;	Bộ Công Thương;	Tiếp thu, chỉnh sửa lại là: - "tổng nguồn vốn đầu tư"; - "tổng doanh thu hằng năm của doanh nghiệp"
5.3	Đề nghị không đưa quy định "phi bản quyền, li xăng theo hợp đồng chuyển giao công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ..."	Bộ Tư pháp	Giữ nguyên, giải trình: Dự thảo chỉ quy định phi bản quyền, li xăng <i>phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển</i> theo hợp đồng chuyển giao công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ..."
5.4	Không quy định chi R&D theo tỷ lệ giá trị sản xuất gia tăng bằng tổng doanh thu trừ đi giá trị đầu vào (mua nội địa và nhập khẩu). Đề xuất: PA1: giữ nguyên quy định tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg, bổ sung giá trị tuyệt đối mức đầu tư tối thiểu nhất định (cho R&D) hằng năm để doanh nghiệp lớn có thể lựa chọn; PA2: giá trị sản xuất gia tăng được xác định bằng tổng doanh thu trừ đi giá trị đầu vào mua	Bộ Công Thương	Giữ nguyên như Dự thảo, giải trình: Theo ý kiến nhiều chuyên gia, việc đánh giá quy mô và năng lực sản xuất của doanh nghiệp dựa vào giá trị sản xuất gia tăng chính xác hơn so với doanh thu của doanh nghiệp. Hiện nay, để tham gia trong chuỗi sản xuất giá trị toàn cầu, mỗi doanh nghiệp chỉ là một khâu trong chuỗi sản xuất. Nhiều doanh nghiệp có đầu vào là các bộ phận, bán sản phẩm công đoạn trước (thường có giá trị khá lớn), do đó, mặc dù doanh thu rất lớn, nhưng phần giá trị sản xuất chỉ chiếm một phần nhỏ.

	nội địa (không bao gồm giá trị đầu vào nhập khẩu);		Theo PA2, chỉ tính giá trị sản xuất gia tăng bằng tổng doanh thu trừ đi giá trị đầu vào mua nội địa để khuyến khích sản xuất nội địa là hợp lý, nhưng lại không khuyến khích được các doanh nghiệp FDI, do hiện nay công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam chưa phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp FDI.
5.5	Hiệu chỉnh cách tính giá trị sản xuất gia tăng được khấu trừ trang thiết bị, máy móc, công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ cao.	Sở KH&CN tỉnh An Giang	Giữ nguyên, giải trình: Việc tính thêm khấu hao trang thiết bị, máy móc, công nghệ sẽ làm giảm mức đầu tư cho R&D
5.6	Đề nghị bổ sung tiêu chí trích lập và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo Thông tư 12/2016/TTLT-BKH&CN-BTC để có cơ chế hoạt động R-D và đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp.	Sở KH&CN tỉnh Long An	Giữ nguyên như Dự thảo, giải trình: Việc sử dụng Quỹ được tính vào chi cho R&D. Việc trích lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và Luật KH&CN.
5.7	Thuật ngữ "Li-xăng" không thuần Việt, chưa được định nghĩa cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo cần định nghĩa cụ thể thuật ngữ này trước khi sử dụng hoặc xem xét thay thế bằng nó bằng thuật ngữ hoặc đoạn văn bản tương đương.	Sở KH&CN tỉnh: Hà Nam; An Giang	Tiếp thu, thay thế bằng cụm từ " <i>chuyển quyền sở hữu, sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp</i> "
5.7	Bổ sung các nội dung chi R&D: - Mở rộng hơn các khoản chi cho R&D: chi bảo hiểm, quà tặng sinh nhật, thuê nhà, khám chữa bệnh và các khoản phúc lợi khác; chi dịch vụ bảo vệ, vệ sinh, nước uống...; - Chi phí đăng ký công nhận hoặc bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích; - Chi đào tạo trung hạn.	Công ty TNHH Samsung Việt Nam; Sở KH&CN tỉnh: An Giang, Lào Cai; Bình Phước;	Tiếp thu, sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3, 4 Điều 3 như sau: "2. Chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển thường xuyên hàng năm bao gồm: tiền lương và các khoản có tính chất giống lương (<i>thưởng, phụ cấp, khoản chi phí đi lại, công tác phí, bảo hiểm và các khoản phúc lợi khác</i>) cho lao động nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu...;" "3. Chi đào tạo bao gồm: chi đào tạo dài hạn hoặc trung hạn, ngắn hạn ở trong nước, ở nước ngoài cho lao động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp...;" "4. Phí bản quyền,...; phí đăng ký công nhận hoặc bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích là kết quả hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;"

5.8	<p>Bổ sung các nội dung chi R&D:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi tư vấn thực hiện nghiên cứu và phát triển sản phẩm CNC, chỉ hợp đồng trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển sản phẩm CNC; - Chi thực hiện, phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp phục vụ nghiên cứu và phát triển sản phẩm CNC của doanh nghiệp; Chi tập huấn thường xuyên; - Các nội dung chi cho hoạt động sáng kiến, đặc biệt là sáng kiến về lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa... 	<p>Công ty TNHH Samsung Việt Nam; Số KH&CN tỉnh: An Giang; Lào Cai; Bình Phước;</p>	<p>Giữ nguyên như Dự thảo, giải trình: Hoạt động tư vấn, thuê trực tiếp nghiên cứu và phát triển sản phẩm CNC, thực hiện, phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chi sáng kiến; đăng ký công nhận hoặc bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích là các nội dung chi hoạt động thường xuyên đã được tính vào các chi phí nêu trên.</p>
5.9	<p>Phí bản quyền, li-xăng thực hiện như đối với tiêu chí dự án ứng dụng CNC</p>	<p>Công ty TNHH Samsung Việt Nam</p>	<p>Giữ lại như Dự thảo, giải trình: Cần phân biệt: phí bản quyền, li-xăng đối với tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao là chi theo hợp đồng <u>chuyển giao các CNC</u> để ứng dụng vào dự án; còn phí bản quyền, li-xăng đối với doanh nghiệp CNC là chi theo hợp đồng chuyển giao công nghệ <u>phục vụ R&D</u> để sản xuất sản phẩm CNC.</p>
5.10	<p>Bổ sung các nội dung chi R&D:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí nghiên cứu thị trường, tiếp thị, quảng bá sản phẩm CNC; - Chi mua máy móc, thiết bị có kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ. 	<p>Số KH&CN tỉnh: An Giang; Bình Phước;</p>	<p>Giữ lại như Dự thảo, giải trình: Các nội dung chi này không đủ cơ sở để tính vào chi cho R&D</p>
5.11	<p>Bổ quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1, vì những nội dung khác không nằm trong quy định tại các khoản a,b,c,d sẽ không được tính vào nội dung chi cho R&D.</p>	<p>UBND Hưng Yên</p>	<p>Giữ lại như Dự thảo, giải trình: Việc quy định thêm điểm d để rõ ràng hơn, tránh nhầm lẫn cho doanh nghiệp.</p>

6	Quy định tiêu chí về lao động R&D		
6.1	Không hạ tiêu chuẩn lao động R&D từ đại học xuống cao đẳng (trở lên); giữ nguyên quy định tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg, bổ sung quy định số lượng lao động R&D tối thiểu.	Các Bộ: Công Thương, Tài Nguyên và Môi trường; Quốc phòng	Giữ nguyên như Dự thảo, giải trình: Hoạt động R&D tại doanh nghiệp sản xuất có đặc thù riêng. Có những trường hợp lao động làm việc tại khu vực sản xuất vẫn thực hiện R&D để cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Các lao động này không nhất thiết phải là kỹ sư có bằng đại học trở lên, mà có thể là các kỹ thuật viên. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi và phù hợp với xu hướng khuyến khích hoạt động R&D trong doanh nghiệp, thì nhân lực R&D đề nghị được tính cả lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trực tiếp thực hiện R&D. Việc điều chỉnh này nhằm ghi nhận đầy đủ các đối tượng đóng góp cho R&D của doanh nghiệp.
6.2	Đề nghị bổ sung quy định số lao động R&D có trình độ cao đẳng không quá 30% tổng số lao động R&D.	UBND tỉnh Vĩnh Long; Ban QL KCNC TP. HCM	- Tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung.
6.3	Nghiên cứu cách tính số lao động R&D theo hướng lao động có trình độ thạc sỹ hoặc tiến sỹ bằng bội số của lao động có trình độ đại học.	Bộ: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường;	Giữ nguyên như Dự thảo, giải trình: Việc tính toán như vậy sẽ gây phức tạp, trong khi việc xác định bội số cũng chỉ theo định tính và như vậy số lao động R&D chỉ mang tính tương đối.
6.4	Tại Khoản 2, Điều 1: ghi cụ thể trường hợp doanh nghiệp có tổng nguồn vốn, tổng số lao động không thuộc 01 trong 02 điều kiện (tổng nguồn vốn, tổng số lao động) tại các điểm a) và b) thì áp dụng điểm c;	UBND tỉnh An Giang	- Giữ nguyên, giải trình: Dự thảo đã quy định đủ và rõ các trường hợp
6.5	Tại Khoản 3, Điều 1: hiệu chỉnh trình độ lao động: có trình độ chuyên môn từ trung cấp giáo dục nghề nghiệp trở lên trong hệ thống giáo dục quốc dân, làm việc toàn thời gian tại doanh nghiệp, trực tiếp tham gia vào các hoạt động sản	UBND tỉnh An Giang	Giữ nguyên, giải trình: Theo đề xuất của các doanh nghiệp và một số tổ chức liên quan đã quy định theo hướng mở hơn, cho phép trình độ lao động R&D được tính từ lao động có trình độ cao đẳng trở lên. Theo

	xuất, nghiên cứu, phát triển, cung ứng sản phẩm CNC của doanh nghiệp để góp phần thúc đẩy phát triển giáo dục nghề nghiệp hướng CNC;		ý kiến nhiều chuyên gia, không hạ thấp thêm nữa trình độ của lao động R&D.
7	Quy định về chuyển tiếp		
7.1	Đề nghị bổ sung điều khoản chuyển tiếp đối với các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC theo quy định tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg. Đề xuất cho phép doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng tiêu chí quy định tại Quyết định mới để đánh giá đáp ứng tiêu chí hằng năm.	Công ty TNHH Samsung VN; Tổng cục TĐC.	Tiếp thu, sửa Điều khoản chuyển tiếp: Các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC, doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì được quyền lựa chọn áp dụng thực hiện theo quy định đang có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc thực hiện theo quy định tại Quyết định này.
7.2	Doanh nghiệp thành lập và hoạt động năm 2012, theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật CNC phải đợi đến năm 2017 mới đăng ký cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC. Nhưng đến tháng 8/2015, khi Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ban hành, doanh nghiệp được phép đăng ký cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC. Tuy nhiên, Bộ KH&CN chỉ xem xét dựa trên số liệu của năm 2015 để cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp CNC, dẫn đến năm 2012-2014 doanh nghiệp đã đáp ứng tiêu chí doanh nghiệp CNC như chưa được Bộ KH&CN cấp Giấy chứng nhận. Đề xuất bổ sung điều khoản chuyển tiếp để có căn cứ để giải quyết vấn đề này.	Công ty TNHH Samsung Việt Nam	Giữ nguyên, giải trình: Vướng mắc đã nêu do Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg không quy định chuyển tiếp đối với trường hợp thay đổi tiêu chí từ việc áp dụng theo Điều 18 Luật CNC sang áp dụng theo Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg. Mặt khác, không có căn cứ để dự thảo Quyết định này quy định lại điều khoản chuyển tiếp khi áp dụng Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg được.



Số: 8101/BCT-KHCN
V/v góp ý Dự thảo Quyết định
của Thủ tướng Chính phủ quy
định tiêu chí doanh nghiệp
công nghệ cao.

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Trả lời Công văn số 3055/BKHCN-ĐTĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị góp ý Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

Thông nhất về sự cần thiết ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ để khắc phục những vướng mắc trong quá trình triển khai thực thi Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12. Tuy nhiên, đề nghị cần nhắc thận trọng việc sửa đổi những tiêu chí về tỉ lệ tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, tỉ lệ số lượng lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển. Cụ thể:

1. Về tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển

Theo nội dung Dự thảo Từ trình và Dự thảo Quyết định, tổng chi sẽ được tính theo tổng giá trị sản xuất gia tăng của doanh nghiệp. Theo đó, giá trị sản xuất gia tăng của doanh nghiệp được tính bằng tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào là nguyên liệu sản xuất nhập khẩu, mua nội địa.

Với quy định này, nếu nguyên liệu nhập khẩu càng nhiều thì tổng chi cho nghiên cứu và phát triển sẽ càng giảm. Điều đó dẫn tới khả năng doanh nghiệp (đặc biệt doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) chủ trương nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài để tăng chi phí đầu vào (không loại trừ có cả việc chuyển giá), vừa giảm được thuế thu nhập doanh nghiệp, vừa giảm được chi phí cho đầu tư, đi ngược với chủ trương khuyến khích sử dụng nguyên liệu trong nước.

Do vậy, đề nghị xem xét, nghiên cứu sửa đổi theo hướng:

Phương án 1: Giữ nội dung quy định tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg về tiêu chí này. Tuy nhiên, cần nghiên cứu ngoài quy định về giá trị tương đối 0,5% tổng doanh thu, bổ sung thêm tiêu chí về giá trị tuyệt đối mức đầu tư tối thiểu nhất định hàng năm để các doanh nghiệp có doanh thu lớn và có mức tăng trưởng doanh thu hàng năm cao có thể lựa chọn để thực hiện, đảm bảo sự ổn định về kế hoạch tài chính cho nghiên cứu và phát triển hàng năm của Doanh nghiệp.

Phương án 2: Thực hiện như Dự thảo nhưng giá trị gia tăng được xác định

theo phương thức lỏng doanh thu trừ đi giá trị đầu vào mua nội địa để khuyến khích tiêu dùng nguyên, vật liệu, vật tư trong nước, kích thích sản xuất và tiêu dùng nội địa. Với phương án này, khi Doanh nghiệp sử dụng nhiều nguyên vật liệu đầu vào trong nước sẽ giảm được chi phí cho đầu tư và phát triển.

2. Về tỷ lệ số lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển

Hiện nay, mỗi năm cả nước có khoảng 300.000 kỹ sư, cử nhân tốt nghiệp bậc đại học, đáp ứng đủ nhu cầu nguồn nhân lực cho nghiên cứu, phát triển của xã hội. Do vậy, việc hạ tiêu chuẩn từ đại học xuống cao đẳng là không cần thiết. Mặt khác, theo nội dung Tờ trình, việc hạ tiêu chuẩn chỉ để giải quyết vướng mắc cho một số doanh nghiệp có quy mô đặc biệt lớn về tiêu chí số nhân công. Do vậy, có thể giữ nguyên nội dung quy định tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg về tiêu chí này và nghiên cứu bổ sung thêm quy định số lượng tối thiểu đối với lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển để đảm bảo doanh nghiệp có thể lựa chọn khi số lao động của doanh nghiệp quá lớn, đồng thời tạo sự ổn định về cơ sở vật chất, trang thiết bị khi có sự thay đổi về số lao động của toàn doanh nghiệp. Mặt khác, để nghị cần nhắc nghiên cứu cách tính số lao động có trình độ chuyên môn theo hướng với một lao động có trình độ chuyên môn bậc thạc sỹ hoặc tiến sỹ thì tương đương với một bội số của lao động có trình độ chuyên môn bậc đại học để khuyến khích các doanh nghiệp thu hút nhân lực chất lượng cao, tập trung chuyên sâu vào nghiên cứu và phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có khả năng nghiên cứu và phát triển của Việt Nam.

3. Để có sự thống nhất trong quá trình thực hiện, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể:

- Khái niệm "tổng nguồn vốn" là nguồn vốn nào theo các quy định của pháp luật về tài chính của doanh nghiệp: "Vốn chủ sở hữu", "Vốn điều lệ" hay "Vốn đầu tư đăng ký".

- Tổng doanh thu: Sử dụng số liệu tổng doanh thu của năm trước hay bình quân của các năm trước.

Trên đây là ý kiến của Bộ Công Thương, đề nghị quý Bộ xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Kế hoạch;
- Lưu: VT, KHCN(2).



Cao Quốc Hưng



1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

28





Bộ Tư pháp
06.11.2020
16:33:42

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4139/BTP-PLDSKT
V/v góp ý dự thảo Quyết định của Thủ
tướng Chính phủ quy định tiêu chí
doanh nghiệp công nghệ cao

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Trả lời Công văn số 3055/BKHCN-DTG ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao (gọi tắt là dự thảo Quyết định), Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Về sự cần thiết ban hành văn bản

Thực hiện Luật Công nghệ cao năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15/6/2015 quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao. Tuy nhiên, thực hiện Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 19/2/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 và để xử lý một số vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn, việc Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg là cần thiết. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh rõ những khó khăn, vướng mắc hiện hành để làm rõ sự cần thiết sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg nêu trên.

II. Về nội dung văn bản

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Quyết định với quy định tại Luật Công nghệ cao, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản có liên quan để đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, trong đó lưu ý thêm một số nội dung sau đây:

1. Về nội dung sửa đổi các tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao, Bộ Tư pháp không có ý kiến đối với các tiêu chí cụ thể. Tuy nhiên, về mặt nguyên tắc, Bộ Tư pháp nhất trí sửa đổi các tiêu chí doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng phân biệt quy mô của doanh nghiệp để có các tiêu chí tương ứng, phù hợp với tình hình thực tiễn, bảo đảm tính khác biệt của văn bản. Dự thảo

Quyết định sửa đổi một số quy định liên quan đến tỷ lệ chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển và tỷ lệ lao động tham gia nghiên cứu và phát triển theo quy mô (vốn, lao động) của doanh nghiệp. Tuy nhiên, tại Tờ trình mới chỉ thuyết minh một cách chung chung là các doanh nghiệp đặc biệt lớn theo tiêu chí tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg cũng khó khăn và không thể đạt được. Đề nghị thuyết minh cụ thể hơn lý do không đạt được tiêu chí là gì, tỷ lệ quy định tại các tiêu chí đó có phù hợp quy mô của doanh nghiệp không.

2. Dự thảo Quyết định quy định chi tiết về nội dung chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (Khoản 4 Điều 1). Tuy nhiên, Bộ Tư pháp đề nghị đánh giá sự cần thiết quy định chi tiết về nội dung chi cho hoạt động nghiên cứu này. Bên cạnh đó, việc đưa “phí bản quyền, li xăng theo hợp đồng chuyển giao công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ...” vào nội dung chi cho nghiên cứu và phát triển là không phù hợp vì Phí bản quyền, li xăng theo hợp đồng chuyển giao công nghệ là khoản trả cho việc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp dùng chủ yếu cho khâu trực tiếp sản xuất sản phẩm công nghệ cao. Đề nghị không đưa quy định này vào nội dung chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển.

III. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Bộ Tư pháp nhận thấy dự thảo Quyết định không quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng tại dự thảo Quyết định. Điều 2, 3, và Điều 4 dự thảo Quyết định không có tiêu đề của điều. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại dự thảo Quyết định để đảm bảo đúng thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao, xin gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tham khảo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Phan Chí Hiếu (để b/c);
- PVT Lê Đại Hải (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLĐSKT (PLKTTT, Thảo).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ



Nguyễn Thanh Tú



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4378 /BT/TTT-KHCN

V/v góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Phúc công văn số 3055/BKHCN-ĐTG ngày 09/10/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc góp ý dự thảo “Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg” (dự thảo Quyết định), Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

- Số lượng doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận công nghệ cao theo thống kê của Bộ KHCN chưa đáp ứng được mục tiêu 500 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao và 200 doanh nghiệp nông nghiệp cung ứng công nghệ cao trong giai đoạn trước 2020. Đề nghị Bộ KHCN xem xét giảm bớt các tiêu chí chưa phù hợp và định lượng các tiêu chí để thúc đẩy số lượng doanh nghiệp đạt được Chứng nhận Công nghệ cao. Ví dụ: tiêu chí thứ hai về quy định doanh nghiệp phải áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành nhưng lại không chỉ rõ tên tiêu chuẩn Việt Nam, quốc tế cần áp dụng.

- Đề nghị nghiên cứu đề bổ sung các quy định nhằm đảm bảo doanh nghiệp FDI tăng đầu tư vào nghiên cứu phát triển trong giai đoạn 2020-2030 thì mới được hưởng ưu đãi về công nghệ cao. Đối với các doanh nghiệp Việt Nam thì nên thúc đẩy phát triển số lượng. Về tiêu chí phân loại doanh nghiệp, đề nghị nghiên cứu áp dụng thuật ngữ và phân loại theo Luật doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa quy định về doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của doanh nghiệp phải đạt ít nhất 70% trong tổng doanh thu thuần hàng năm. Tiêu chí này được ban soạn thảo xem xét đánh giá dựa trên số liệu từ các doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận là không phù hợp. Hơn nữa, tiêu chí này được xây dựng tiêu chí chưa phù hợp với quy định trong Thông tư số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC về Quỹ phát triển khoa học công nghệ và Luật

đầu tư về chi phí cho ứng dụng hoạt động công nghệ cao như vấn đề tính phí bản quyền, lixãng trong hợp đồng chuyển giao công nghệ.

- Ngoài ra, một số thuật ngữ (như số lao động), cách phân loại doanh nghiệp (Luật phân loại theo lĩnh vực và theo mức vốn) khác các thuật ngữ được áp dụng khi phân loại các doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trân trọng./g

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Tâm;
- Lưu: VT, KHCN (6).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Tâm

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~4386~~/LĐTBXH-KHTC

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2020

V/v tham gia ý kiến dự thảo Quyết
định của Thủ tướng Chính phủ quy
định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ
cao thay thế Quyết định số
19/2015/QĐ-TTg

Kính gửi: Khoa học và Công nghệ

Phúc đáp Công văn số 3055/BKHCN-ĐTĐG ngày 09/10/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc góp ý đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg, sau khi nghiên cứu, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

- Tại điểm c khoản 2 Điều 1, cần làm rõ hơn cách tính giá trị đầu vào của doanh nghiệp, ví dụ: trường hợp nguyên liệu đầu vào là sản phẩm phụ của doanh nghiệp.

- Tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 1, cụm “trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển” nên bỏ từ “tham gia”.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đề nghị Quý Bộ tổng hợp./. *RL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ KH-TC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Văn Thanh
Lê Văn Thanh

BỘ XÂY DỰNG

Số: 5364 /BXD-KHCN

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Quyết định của
Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu
chỉ doanh nghiệp công nghệ cao thay
thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Xây dựng nhận được Công văn số 3055/BKHCN-ĐTĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng cơ bản thống nhất về nội dung của Dự thảo Quyết định. Tuy nhiên, Bộ Khoa học và Công nghệ cần thống nhất về nội dung với các Đề án/ Chương trình trong Phần I về “Tạo lập môi trường chung cho phát triển các ngành dịch vụ” của Phụ lục “Danh mục các nhiệm vụ cụ thể thực hiện kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025” kèm theo Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Xây dựng. Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tập hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Quang Hùng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG**



anh
Vũ Ngọc Anh

Số: 4683 /BGDDĐT-KHCNMT
V/v góp ý dự thảo Quyết định của
Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu
chí doanh nghiệp công nghệ cao thay
thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nhận được Công văn số 3055/BKHCN-ĐTGT ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg. Sau khi nghiên cứu dự thảo trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo có một số ý kiến như sau:

1. Đồng ý với sự cần thiết sửa đổi và xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15/6/2015 để thu hút các doanh nghiệp, doanh nghiệp lớn, các tập đoàn đa quốc gia sử dụng công nghệ cao đầu tư vào Việt Nam.

2. Một số ý kiến trao đổi như sau:

- Nên cân nhắc cấu trúc nội dung của Điều 1 có bao gồm Khoản 4 về nội dung chỉ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển không, vì tên điều 1 là tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao, nên nội hàm của khoản 4 chưa thực sự phù hợp.

- Về nội dung tiêu chí về số lượng lao động nghiên cứu và phát triển nêu tại Khoản 3 Điều 1 của Dự thảo, có thay đổi quy định về trình độ, từ trình độ chuyên môn từ đại học trở lên tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển (tại Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg) thành trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên tại Dự thảo Quyết định lần này, nhưng chưa có giải trình tại Dự thảo Trình.

Trên đây là một số ý kiến góp ý cho dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg của Bộ Giáo dục và Đào tạo kính chuyển Quý Bộ để nghiên cứu, tổng hợp.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHCNMT.


KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc

Doz



Người ký: Bộ Quốc phòng
Cơ quan: Bộ Quốc phòng
Thời gian ký: 03.11.2020
08:45:22 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~4077~~ /BQP-KHQ

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2020

V/v tham gia góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao

HỎA-TỐC
Đến trước h ngày 20..

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Phúc đáp Công văn số 3055/BKHCN-ĐTGT ngày 09/10/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đóng góp ý kiến dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất với bộ cục, nội dung do Bộ Khoa học và Công nghệ soạn thảo.

2. Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung:

- Tại Khoản 1 Điều 1 của dự thảo sửa đổi như sau: "*Doanh thu bình quân của doanh nghiệp trong 3 năm liên từ sản phẩm công nghệ cao phải đạt ít nhất 60% trong tổng doanh thu thuần hàng năm, từ năm thứ 4 trở đi phải đạt 70% trở lên*". Lý do: Phù hợp với quy định tại Điều 18 của Luật Công nghệ cao năm 2008 và tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp công nghệ cao hiện nay.

- Tại Khoản 3 Điều 1 của dự thảo cần bổ sung tiêu chí về số lượng lao động trực tiếp tối thiểu khi tham gia thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển, bảo đảm phù hợp với quy mô của từng loại doanh nghiệp.

Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- C60, C41, C54, C23;
- Tổng cục CCNQP;
- Tập đoàn CNVTQĐ;
- Lưu: VT, THBĐ, LQD08.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**
[Signature]

Thượng tướng **Bế Xuân Trường**

BỘ NGOẠI GIAO

Số: *5799*/BNG-THKT

V/v dự thảo Quyết định quy định tiêu chí
doanh nghiệp công nghệ cao thay thế
Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg
ngày 15/6/2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày *30* tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Phúc công văn số 3055/BKHCN-ĐTĐG ngày 09/10/2020 của Quý Bộ về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15/6/2015, Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với dự thảo Quyết định và dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ và có một số ý kiến bổ sung như sau:

- Về định nghĩa doanh nghiệp công nghệ cao, Quốc hội đã ban hành Luật Đầu tư (sửa đổi) có hiệu lực vào ngày 01/01/2021, theo đó, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sẽ hết hiệu lực. Do đó, đề nghị không dẫn chiếu đến Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 mà nêu rõ các tiêu chí trong dự thảo Quyết định.

- Về tiêu chí phân loại, trong dự thảo Quyết định, đề nghị cân nhắc phân loại doanh nghiệp theo quy mô: (i) doanh nghiệp nhỏ và vừa; (ii) doanh nghiệp lớn; (iii) doanh nghiệp đặc biệt lớn để tương thích với mục 3.1, dự thảo Tờ trình.

- Về các đề xuất liên quan đến việc điều chỉnh tỷ lệ chi cho R&D trên doanh thu thuần trừ giá trị đầu vào, nhận lực R&D bao gồm cả những lao động trình độ cao đẳng về cơ bản sẽ tăng số lượng doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao. Do đó, đề nghị bổ sung thêm đánh giá về tác động của những chính sách trong dự thảo Quyết định và lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi các chính sách trên theo quy định của Điều 97 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Bộ Ngoại giao xin gửi Quý Bộ ý kiến nêu trên để tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC, THKT.

**KT, BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**



Bùi Thanh Sơn
Bùi Thanh Sơn

Số:6068 /BTNMT-KHCN

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2020

V/v Góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng
Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công
nghệ cao

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ
(Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ)

Phúc đáp Công văn số 3055/BKHCN-ĐTĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị góp ý cho dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2015, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo Quyết định và những đề xuất sửa đổi của Bộ Khoa học và Công nghệ nêu trong Tờ trình.

2. Đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét chỉnh sửa một số nội dung sau:

2.1. Dự thảo Tờ trình:

Mục “III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO QUYẾT ĐỊNH” cần bổ sung các mốc thời gian cụ thể đối với từng bước công việc trong quy trình lấy ý kiến để làm rõ sự hợp lý của việc thu thập, tổng hợp, xử lý ý kiến, thẩm định và hoàn thiện Dự thảo.

2.2. Dự thảo Quyết định:

- Tại khoản 3, Điều 1 dự thảo Quyết định quy định về số lượng lao động nghiên cứu và phát triển: Đề nghị xem xét quy định lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên thay thế cho quy định lao động có trình độ cao đẳng. Ngoài ra, đề nghị xem xét bổ sung thêm quy định về lao động có trình độ chuyên môn trên đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển.

- Đề nghị tách khoản 4, Điều 1 thành nội dung quy định riêng (không thuộc Điều 1), do Điều 1 các khoản 1, 2, 3 là các tiêu chí mà doanh nghiệp công nghệ cao đồng thời phải đáp ứng và khoản 4 quy định về nội dung chỉ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển không phải là tiêu chí mà doanh nghiệp công nghệ cao phải đáp ứng.

2.3. Đề nghị chỉnh sửa lỗi đánh máy, lỗi chính tả (không viết hoa từ Điểm trong Điều 1,...); thống nhất cách viết tắt trong toàn văn bản.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2015, kính gửi Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Võ Tuấn Nhân (để b/c);
- Lưu VT, Vụ KHCN, NT

ML



Hoàng Mạnh Cường
Hoàng Mạnh Cường

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3903/BVHTTDL-KHCNMT
V/v góp ý Dự thảo Quyết định của Thủ tướng
quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao
thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Trả lời Công văn số 3055/BKHCN-ĐTĐ ngày 09/10/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhất trí với Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Quyết định của Thủ tướng do Bộ Khoa học và Công nghệ soạn thảo.

Trên đây là ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp. *74*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Tạ Quang Đông;
- Lưu: VT, KHCNMT, DVH.6.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Tạ Quang Đông
Tạ Quang Đông

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5491 /BNV-PC

V/v tham gia ý kiến dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao.

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Trả lời văn bản số 3055/BKHCN-ĐTGT ngày 09/10/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản nghiên cứu quy định bổ sung tiêu chí đánh giá về mức độ tiên tiến công nghệ của doanh nghiệp được xác định doanh nghiệp công nghệ cao.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ đề Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân (để b/cáo);
- Lưu: VT, PC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ



Phan Trung Tuấn